

Bản án số: 314/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 -2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NH2 DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NH2 DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: **Bà Trần Thị Hải.**

Các Hội thẩm nH2 dân: **Trương Thị Thìn**
Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Đỗ Thị Huyền** – Thư ký
Tòa án nH2 dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện viện kiểm sát nH2 dân thành phố Biên Hòa: **Bà Đặng Hoàng Oanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nH2 dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 1449/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 338/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Phạm Thị Thu H**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 41, Cư xá Đường, Khu phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: **Anh Tào Vĩnh H1**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 105, khu phố B, khu phố L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Tào Vĩnh H1 tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu sống với nhau hạn

phúc, tuy nhiên từ cuối năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Đã nhiều lần vợ chồng chị ngồi lại để tìm cách hàn gắn nhưng không được, chị và anh H1 hiện nay đang sống ly hôn. Nay tình cảm của chị giành cho anh H1 không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 02 con chung là Tào Thanh Ngọc H2, sinh ngày 31/8/2014 và Tào Thanh Thiên M, sinh ngày 30/10/2019. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, tạm thời không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tào Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh H1 phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H; giao 02 con chung là cháu Tào Thanh Ngọc H2, sinh ngày 31/8/2014 và Tào Thanh Thiên M, sinh ngày 30/10/2019 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm thời anh H1 không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung chị H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị Thu H khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Tào Văn H1 hiện đang trú tại: Số 105, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H1 đầy đủ, tuy nhiên anh H1 vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị H và anh H1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2014 tại UBND phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào Điều 9 và Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo xác minh tại địa phương xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 có xảy ra hay không thì địa phương không nắm được vì chị H và anh H1 không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H1 đến Tòa để làm việc, dự phiên họp về Tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hai anh chị có điều kiện gặp gỡ thỏa thuận, đoàn tụ nhưng anh H1 không đến. Điều này chứng tỏ chị H và anh H1 không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh H1.

[3] **Về con chung:** Chị H và anh H1 có 02 con chung là cháu Tào Thanh Ngọc H2, sinh ngày 31/8/2014 và Tào Thanh Thiên M, sinh ngày 30/10/2019. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Anh H1 không đến Tòa án làm việc cũng không có bản tường trình về yêu cầu giải quyết con chung. Do đó, giao cháu H2 và cháu M cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung:** Theo chị H trình bày tài sản chung, nợ chung không có. Tuy nhiên, do anh H1 vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[6] **Về án phí:** Chị Phạm Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 9 và Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H. Chị Phạm Thị Thu H được ly hôn với Tào Vĩnh H1.

2. Về con chung: Giao cháu Tào Thanh Ngọc H2, sinh ngày 31/8/2014 và Tào Thanh Thiên M, sinh ngày 30/10/2019 cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của anh Tào Vĩnh H1.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo phiếu thu số 0009435 ngày 15/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị H đã nộp xong án phí.

Chị Phạm Thị Thu H và anh Tào Vĩnh H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án DS thành phố Biên Hòa;
- UBND phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa,
- T. Đồng Nai (số ĐKKH 44, ngày 21/3/2014);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải